TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày 16 tháng 10 năm 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng;

Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính A; trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh do ông Lô Bằng G - Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hiền T - Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý - Trung tâm thu hồi nợ - Công ty tài chính A *(văn bản ủy quyền số: 50/2018/UQ-VH ngày 18 tháng 4 năm 2018)*.

Người được ủy quyền lại:Chị Lê Thị T, sinh năm 1989; trú tại: Đường Lương Văn C, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. *Văn bản ủy quyền số: 1019/2018/UQTA-VH.18 ngày 20 tháng 5 năm 2018*(có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; địa chỉ: Phố Y, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2018 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Ngày 21/5/2016, anh Nguyễn Văn M có ký hợp đồng tín dụng số 20160521-129004-1278 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng A (viết tắt là Công ty Tài chính) để vay số tiền 37.118.672đ; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm.Theo thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất tiền vay là 3,75%/tháng; phí bảo hiểm 1.938.746,đ; phương thức trả chậm trong vòng 36 tháng. Tổng số tiền anh Nguyễn Văn M phải thanh toán trong vòng 36 tháng cả gốc và lãi là 69.525.000đ; cụ thể: Trong 35 tháng đầu mỗi tháng anh Nguyễn Văn M phải trả 1.900.000đ, tháng cuối cùng trả 3.025.000đ; kỳ thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Văn M đã nhận đủ tiền vay và trả cho Công ty tài chính được 12 lần với số tiền là 22.800.000đ (trong đó có 6.998.553đ tiền gốc và 15.801.447đ tiền lãi). Kể từ ngày 17/6/2017, anh M không trả thêm được số tiền nào cho Công ty tài chính. Nay Công ty tài chính A yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải trả toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là 46.725.000đ (trong đó tiền gốc là 30.190.119 đ, tiền lãi là 16.534.881đ). Tuy nhiên do hợp đồng tín dụng ký kết giữa anh Nguyễn Văn M và Công ty tài chính A chưa hết hạn hợp đồng nên Công ty tài chính xin rút một phần tiền lãi. Tính đến ngày 16/10/2018 anh Nguyễn Văn M còn nợ Công ty tài chính A tổng số tiền 44.163.275đ (trong đó tiền gốc là 30.190.119đ, tiền lãi là 13.973.156đ). Đối với lãi suất phát sinh sau ngày xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Anh M đã nhận giấy triệu tập và các giấy tờ, tài liệu trên nhưng không đến Tòa án để làm việc và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu:Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, phía bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính A, buộc anh M phải trả cho Công ty Tài chính số tiền 44.163.275đ (trong đó nợ gốc là 30.190.119 đ, nợ lãi là 13.973.156đ), buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích để tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không trở ngại gì cho việc xét xử của Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồngvay tài sản các bên giao kết trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết là năm 2016 nhưng phát sinh quyền và nghĩa vụ là từ năm 2016 đến năm 2019. Mặt khác, nội dung và hình thức của giao dịch dân sự phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về nội dung vụ án: Công ty tài chính A và anh Nguyễn Văn M có ký hợp đồng tín dụng số 20160521-129004-1278 ngày 21/5/2016 về việc Công ty Tài chính cho anh M vay số tiền 37.118.672đ để tiêu dùng cá nhân với hình thức vay tín chấp. Khi ký Hợp đồng tín dụng anh M đã đồng ý với các điều kiện có trong hợp đồng và đã nhận đủ số tiền vay là 37.118.672đ.Thực hiện hợp đồng anh M đã 12 lần thanh toán trả nợ cho Công ty tài chính với tổng số tiền là 22.800.000đ, từ ngày 17/6/2017, anh M không thanh toán được số tiền gốc và tiềnlãi nào cho Công ty tài chính.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; kết quả phiên họp và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Nhưng anh M không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Nên chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

căn cứ nên cần chấp nhận.

Như vậy, anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ hạn của hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty tài chính. Do đó, nguyên đơn là Công ty tài chính A yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn M phải trả toàn bộ số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 16/10/2018 với số tiền là 44.163.275đ (trong đó nợ gốc là 30.190.119 đ, nợ lãi là 13.973.156đ) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với các khoản tiền lãi quá hạn, tiền lãi phát sinh theo hợp tín dụng từ ngày 21/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, do Công ty tài chính A không yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải thanh toán nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị này là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí theo giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện là 2.208.163đ, làm tròn là 2.208.000đ (44.163.275đ x 5%). Công ty tài chính A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính A. Buộc anh Nguyễn Văn M phải trả cho Công ty tài chính A số tiền là 44.163.275đ (trong đó nợ gốc là 30.190.119 đ, nợ lãi là 13.973.156đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/10/2018), anh Nguyễn Văn M không trả được số tiền nêu trên cho Công ty tài chính A thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu số tiền 2.208.000đ (Hai triệu hai trăm linh tám nghìn đồng). Hoàn trả lại Công ty tài chính A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.168.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0004388 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tp Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Đường